

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 1 – Bài 1: MỞ ĐẦU MÔN HÓA HỌC
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. Hóa học là một bộ môn khá mới mẻ với các em bậc THCS. Khi tìm hiểu, học tập bộ môn hóa học các em sẽ giải thích được rất nhiều hiện tượng trong tự nhiên, cuộc sống mà các môn khoa học khác chưa hoặc không giải thích được. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ thấy được mối quan hệ giữa bộ môn Hóa học với các bộ môn khác như: toán, lý, sinh,... I. Hóa học là gì? - HS nghiên cứu 2 thí nghiệm trong sgk hóa 8 trang 3 và trả lời các câu hỏi sau: + Hiện tượng 2 thí nghiệm. + Nêu kết luận. - Từ đó rút ra định nghĩa hóa học là gì? II. Hóa học có vai trò như thế nào trong cuộc sống chúng ta? HS làm bài tập sau: Hãy sắp xếp các đồ vật sau vào nhóm thích hợp: xoong nồi, thuốc trừ sâu, bút, thau nhựa, vitamin C, balô, thuốc diệt cỏ, thuốc đau dạ dày, thước kẻ, ấm đun nước, panadol, phân bón hóa học. Nhóm 1: các đồ vật trong gia đình làm bằng nhôm, đồng, chất dẻo. Nhóm 2: các loại sản phẩm hóa học được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở địa phương. Nhóm 3: các sản phẩm sử dụng trong học tập và bảo vệ sức khỏe gia đình. → Từ đó rút ra vai trò của hóa học trong đời sống. III. Cần phải làm gì để có thể học tốt môn hóa học? - HS đọc và nghiên cứu sgk hóa 8 trang 5 và trả lời các câu hỏi: + Những hoạt động nào cần chú ý khi thực hiện học tập bộ môn hóa học? + Em hãy nêu những phương pháp để giúp bản thân học tốt môn hóa học?	I. Hóa học là gì? <i>Gợi ý: HS gạch dưới hiện tượng được nêu trong sách ở phần I.2 (phần nhận xét).</i> Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần I xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ. - Hóa học là khoa học nghiên cứu các chất, sự biến đổi và ứng dụng của chúng. II. Hóa học có vai trò như thế nào trong cuộc sống chúng ta? Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần II xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ. - Hóa học có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống chúng ta. III. Cần phải làm gì để có thể học tốt môn hóa học? Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần III xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ. 1) Khi học tập môn hóa học cần chú ý thực hiện

	- Thu thập tìm kiếm kiến thức → xử lí thông tin → vận dụng → ghi nhớ. 2) Phương pháp học tốt môn hóa học - Tìm kiếm, quan sát hiện tượng liên quan tới hóa học. - Có hứng thú say mê học tập, rèn luyện phương pháp tư duy, óc suy luận sáng tạo. - Nhớ các kiến thức một cách chọn lọc. - Đọc thêm sách, tài liệu tham khảo khác.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Giải thích hiện tượng: người ốm, bệnh được các y bác sĩ truyền các chất muối và đường qua đường tĩnh mạch?	GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi học sinh
Hóa học		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		
		

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 2 - Bài 2: Chất

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.

I. Chất có ở đâu?

- Kể tên 5 đồ vật xung quanh em?
- Các đồ vật xung quanh chúng ta được gọi là vật thể.
- Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 7 cho biết vật thể được chia làm mấy loại? Cho ví dụ?
- Nghiên cứu sgk và bảng hiểu biết bản thân hoàn thành bảng sau:

Đồ vật	Vật thể		Chất cấu tạo vật thể
	Tự nhiên	Nhân tạo	
Không khí			
Nước biển			
Ấm đun nước			
Lõi dây điện			

- Từ đó cho biết chất có ở đâu?

II. Tính chất của chất?

1. Mỗi chất có tính chất nhất định

Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 8 trả lời câu hỏi:

- Các đặc điểm: màu, mùi, vị, trạng thái, tính tan, dẫn điện, dẫn nhiệt,... được gọi là gì?
- Những tính chất đó có thay đổi không? Nếu thay đổi thì sẽ như thế nào?
- Nghiên cứu sgk cho biết tính chất vật lí, tính chất hóa học?
- Lưu huỳnh có màu vàng, trạng thái rắn,... Vậy làm thế nào để nhận biết được các tính chất bề ngoài của chất?
- Làm thế nào để biết chính xác nước sôi ở 100°C và đông đặc ở 0°C ?
- Muốn biết dầu ăn có tan trong nước, xăng hay không, ta phải làm cách nào?
- Nghiên cứu sgk nêu các phương pháp để nhận biết các tính chất của chất?

2. Việc hiểu biết tính chất của chất có lợi ích gì?

- Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 9 và bằng sự hiểu biết bản thân trả lời các câu hỏi sau:
- + Phân biệt cồn và nước.

I. Chất có ở đâu?

Gợi ý: những vật thể có sẵn trong tự nhiên được gọi là vật thể tự nhiên, những vật thể do con người lao động, sản xuất ra gọi là vật thể nhân tạo.

Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần I xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.

- Vật thể được chia làm 2 loại:
- + Vật thể tự nhiên.
- + Vật thể nhân tạo.
- Chất có xung quanh chúng ta, ở đâu có vật thể thì ở đó có chất.

II. Tính chất của chất?

Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần II.1, II.2 xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.

1. Mỗi chất có tính chất nhất định

- Mỗi chất có tính chất nhất định không bao giờ thay đổi. Nếu thay đổi thì chất cũng thay đổi.
- Tính chất vật lí: màu, mùi, vị, trạng thái (thể), nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính tan,...
- Tính chất hóa học: tính cháy, khả năng phân hủy, khả năng oxi hóa,...

❖ Các phương pháp nhận biết tính chất của chất:

- Quan sát: nhận biết tính chất bề ngoài.
- Dùng dụng cụ đo: xác định nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, khối lượng riêng,...
- Làm thí nghiệm: xác định tính tan, tính dẫn điện, dẫn nhiệt,...

2. Việc hiểu biết tính chất của chất có lợi ích gì?

+ Axit đặc có tính chất như thế nào? Hiểu biết tính chất của axit đặc để làm gì? + Nêu ứng dụng của cao su, nhôm trong đời sống? - Từ đó hãy cho biết việc hiểu biết tính chất của các chất đem lại lợi ích gì?	a) <i>Giúp phân biệt chất này với chất khác, tức nhận biết được chất.</i> Ví dụ: cồn và nước đều là chất lỏng, không màu. Cồn cháy được, nước thì không. b) <i>Biết cách sử dụng chất.</i> Ví dụ: axit đặc gây bỏng nặng, dễ làm cháy da thịt, vải, giấy. Khi sử dụng cần cẩn thận. c) <i>Biết ứng dụng chất thích hợp trong đời sống và sản xuất.</i> Ví dụ: cao su có tính đàn hồi, không thấm nước, bền nên dùng làm nệm, gối, lốp xe,...
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Bài 1: Kể tên 3 đồ vật làm bằng: a) Nhôm. b) Thủy tinh. c) Chất dẻo. Bài 2: Hãy phân biệt từ nào (những từ gạch dưới) chỉ vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo hay chất trong các câu sau: a) Trong <u>quả chanh</u> có <u>nước</u>, <u>axit citric</u> (vị chua) và một số chất khác. b) <u>Cốc thủy tinh</u> dễ vỡ hơn cốc bằng <u>chất dẻo</u>. c) Thuốc đầu <u>que diêm</u> được trộn một ít <u>lưu huỳnh</u> d) <u>Quặng apatit</u> ở Lào Cai chứa <u>canxi photphat</u> với hàm lượng cao. e) <u>Bóng đèn điện</u> được chế tạo bằng <u>thủy tinh</u>, <u>đồng</u> và <u>vonfam</u> (một kim loại chịu nóng dùng làm dây tóc).	GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi học sinh
Hóa học		
		
		
		
		
		

		
--	--	--

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 3 – Bài 2: CHẤT (tt)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. III. Chất tinh khiết 1) Hỗn hợp và chất tinh khiết - Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 9 và cho biết điểm giống và khác nhau của <u>nước cất</u> và <u>nước khoáng</u>? <u>Đọc thí nghiệm sau và trả lời câu hỏi:</u> <u>Thí nghiệm:</u> Cho mẫu nước cất lên tấm kính 1, mẫu nước khoáng lên tấm kính 2. Hơ 2 tấm kính trên ngọn lửa đèn cồn. Sau khi nước bay hơi ta thấy: tấm kính 2 có vết mờ, tấm kính 1 không có vết mờ. - Từ đó nhận xét về thành phần của nước cất và nước khoáng? → Nước cất là chất tinh khiết, nước khoáng là hỗn hợp. - Nêu kết luận về hỗn hợp và chất tinh khiết? - Kể tên các nguồn nước trong tự nhiên. Cho biết nước tự nhiên là hỗn hợp hay chất tinh khiết? - Nghiên cứu sgk cho biết nước cất có những tính chất gì? - Từ đó cho biết chất tinh khiết có tính chất như thế nào? - Câu hỏi thực tế: chúng ta nên uống nước cất hay nước khoáng sẽ có lợi cho cơ thể hơn? Vì sao? 2) Tách chất ra khỏi hỗn hợp - Nghiên cứu thí nghiệm sgk hóa 8 trang 10, cho biết cách tách muối ăn khỏi dung dịch muối?	III. Chất tinh khiết <i>Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần III xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.</i> 1) Hỗn hợp và chất tinh khiết - Hỗn hợp gồm nhiều chất trộn lẫn nhau, có tính chất thay đổi. Ví dụ: các nguồn nước tự nhiên: sông, hồ, ao, suối,... - Chất tinh khiết: là chất không lẫn với chất khác. Có tính chất vật lí và tính chất hóa học nhất định. Ví dụ: nước cất là chất tinh khiết vì có tính chất vật lí nhất định: sôi ở 100°C, đông đặc ở 0°C, khối lượng riêng $D = 1\text{g/cm}^3$ 2) Tách chất ra khỏi hỗn hợp - Dựa vào tính chất vật lí để tách một chất ra

- Từ đó cho biết nguyên tắc (dựa vào tính chất nào để tách chất? (<i>Gợi ý: mỗi chất có nhiệt độ sôi, tính tan, khối lượng riêng khác nhau</i>)). - Câu hỏi thực tế: làm thế nào để bảo vệ nguồn nước luôn sạch.	khỏi hỗn hợp.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Bài 1: Những chất nào sau đây là chất tinh khiết: A. Nước cất, thép. B. Muối ăn, sữa, sắt. C. Muối ăn, nước cất, sắt. D. Sữa, thép, muối ăn. Bài 2: Nêu phương pháp tách riêng các chất sau ra khỏi hỗn hợp. a) Mạt sắt, bột than. b) Đường, cát.	GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lóp:

[illegible]

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 4 – Bài 3: Bài thực hành 1 TÍNH CHẤT NÓNG CHẢY CỦA CHẤT TÁCH CHẤT TỪ HỖN HỢP
- HS đọc sgk hóa 8 trang 154 tìm hiểu một số quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm và cách sử dụng hóa chất. - Tham khảo các dụng cụ thí nghiệm trang 155 sgk hóa 8	

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lớp:

[illegible]

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 5 - Bài 4: NGUYÊN TỬ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i> I. Nguyên tử là gì?	

- Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 14 cho biết chất được cấu tạo từ gì?

Gợi ý: Nguyên tử là một quả cầu tròn có đường kính $d = 0,00000001 \text{ cm}$ ($=10^{-8} \text{ cm}$). Cần đến 4 triệu nguyên tử xếp thành 1 hàng dọc liền nhau sẽ có chiều dài 1mm.

- Nhận xét về kích thước nguyên tử?
- Nghiên cứu sgk cho biết cấu tạo nguyên tử?
- Cho biết kí hiệu, điện tích tạo nên lớp vỏ nguyên tử? Điện tích của hạt nhân nguyên tử?

Gợi ý: số điện tích âm ở lớp vỏ bằng với số điện tích dương ở hạt nhân nguyên tử $\rightarrow$ nguyên tử trung hòa về điện.

- Vậy nguyên tử là gì?

II. Hạt nhân nguyên tử

Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 14 cho biết:

- Hạt nhân nguyên tử gồm những loại hạt nào?
- Cho biết kí hiệu, điện tích những loại hạt đó?
- Quan sát bảng sau và nhận xét về số proton và electron trong 1 nguyên tử?

Nguyên tử	Số proton	Số electron
Hiđro	1	1
Oxi	8	8
Natri	11	11

- Thế nào là nguyên tử cùng loại?
- Vì sao nói khối lượng nguyên tử tập trung ở hạt nhân?

III. Lớp electron

- Nghiên cứu sgk và mô tả sự chuyển động của các electron xung quanh hạt nhân?

I. Nguyên tử là gì?

Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần I xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.

- Nguyên tử là những hạt vô cùng nhỏ, trung hòa về điện.

❖ Cấu tạo nguyên tử:

- Lớp vỏ electron (e): mang điện tích âm (-).
- Hạt nhân: mang điện tích dương (+).

II. Hạt nhân nguyên tử

Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần II xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.

- Hạt nhân gồm:

+ Proton (p): mang điện tích dương (+).

+ Notron (n): không mang điện.

- Số p = số e.

- Các nguyên tử cùng loại đều có cùng số proton trong hạt nhân.

- Khối lượng của hạt nhân được coi là khối lượng nguyên tử.

III. Lớp electron

Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần III xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.

- Trong nguyên tử, electron chuyển động rất nhanh quanh hạt nhân và sắp xếp thành từng lớp, mỗi lớp có một số electron nhất định.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Câu 1: Trong nguyên tử, hạt mang điện là:

- Notron
- Electron, notron
- Electron, proton

GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP

D. Proton, nơtron

Câu 2: Hạt nhân nguyên tử do những loại hạt nào cấu tạo thành:

A. Electron

B. Electron, nơtron

C. Electron, proton, nơtron

D. Proton, nơtron

Câu 3: Nguyên tử được cấu tạo từ mấy loại hạt cơ bản:

A. 2

B. 3

C. 1

D. 4

Câu 4: Nguyên tử canxi (Ca) có 20 proton. Xác định số electron:

A. 20

B. 18

C. 17

D. 19

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lóp:

[illegible]

		
		
		

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 6 - Bài 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. I. Nguyên tố hóa học là gì? 1) Định nghĩa - HS dựa vào kiến thức bài trước trả lời câu hỏi “Thế nào là các nguyên tử cùng loại?” - HS nghiên cứu sgk hóa 8 trang 17 và trả lời “Tập hợp các nguyên tử cùng loại được gọi là gì?” - Nêu định nghĩa nguyên tố hóa học. - Các nguyên tử thuộc cùng nguyên tố hóa học thì có tính chất như thế nào? <i>Trong khoa học, để trao đổi với nhau về nguyên tố hóa học, cần phải có cách biểu diễn ngắn gọn mà ai cũng hiểu được gọi là kí hiệu hóa học.</i> 2) Kí hiệu hóa học <u>Quan sát bảng KHHH của các nguyên tố hóa học sau và trả lời câu hỏi:</u> - Các nguyên tố hóa học được kí hiệu bằng bao nhiêu chữ cái? Đặc điểm các chữ cái kí hiệu? - Mỗi nguyên tố hóa học được biểu diễn bằng bao nhiêu kí hiệu hóa học? Em có biết: - Kí hiệu hoá học dùng để : + Biểu diễn nguyên tố hóa học. + Chỉ một nguyên tử của nguyên tố.	I. Nguyên tố hóa học là gì? 1) Định nghĩa <i>Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần I.1 xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.</i> - Nguyên tố hoá học là tập hợp những nguyên tử cùng loại, có cùng số proton trong hạt nhân. - Các nguyên tử thuộc cùng một nguyên tố hoá học đều có tính chất hoá học giống nhau. Ví dụ: Tập hợp tất cả các nguyên tử có số p = 8 đều là nguyên tố oxi. Các nguyên tử oxi đều có tính chất hoá học giống nhau . 2) Kí hiệu hóa học <i>Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần I.2 xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ.</i> - Mỗi nguyên tố hoá học được biểu diễn bằng 1 kí hiệu hoá học. Cách viết: 🚦 Gồm 1 hoặc 2 chữ cái. 🚦 Trong đó chữ cái đầu viết in hoa, chữ cái thứ hai viết thường. Ví dụ: Nguyên tố hiđro: H Nguyên tố canxi: Ca - KHHH còn chỉ nguyên tử của nguyên tố. Ví dụ: Kí hiệu nguyên tố natri là Na 2 Na: 2 nguyên tử natri. 4 Cu: 4 nguyên tử đồng.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Câu 1: Chọn đáp án đúng: A. Tất cả các nguyên tử có số notron bằng	GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP

nhau thuộc cùng một nguyên tố hóa học. B. Trong hạt nhân nguyên tử số proton luôn bằng số notron. C. Trong nguyên tử, số proton luôn bằng số electron vì thế nguyên tử không trung hòa về điện. D. Tất cả các nguyên tử có số proton bằng nhau thuộc cùng một nguyên tố hóa học. Câu 2: Kí hiệu hóa học của nguyên tố cacbon là: A. Ca B. C C. Cl D. Cr Câu 3: Nêu ý nghĩa cách viết sau: “5 K” A. 5 nguyên tố K B. Nguyên tố K C. 5 nguyên tử K D. Nguyên tử K	
---	--

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trưởng:

Ho và tên học sinh:

Lóp:

[illegible]

Nội dung	Ghi chú
	Tiết 7 - Bài 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC (tt)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. II. Nguyên tử khối. Khối lượng của một nguyên tử C bằng $1,9926 \cdot 10^{-23}$ g $\rightarrow$ quá trị quá nhỏ, không tiện sử dụng. - Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 18 cho biết để thuận tiện cho việc tính toán, trong khoa học đã dùng cách tính nào? - Nêu quy ước của cách tính trên và cho ví dụ? - Quan sát bảng 1/42 sgk hóa 8 và nhận xét: + Nguyên tử nào nhẹ nhất? Vì sao? + Nguyên tử C, O nặng hay nhẹ hơn nguyên tử H bao nhiêu lần? Vì sao? - Vậy các giá trị khối lượng nguyên tử còn cho biết điều gì? - Từ đó cho biết nguyên tử khối là gì? - Dựa vào nguyên tử khối của một nguyên tố ta xác định được điều gì? Vậy số proton và nguyên tử khối là hai đại lượng đặc trưng cho một nguyên tố hóa học.	II. Nguyên tử khối. Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần II xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ. * <u>Quy ước</u>: 1đvC = 1/12 khối lượng của nguyên tử C. Ví dụ: Khối lượng tính bằng đvC của một số nguyên tử: H = 1 đvC; O = 16 đvC; C = 12 đvC. Thường có thể bỏ bớt chữ đvC sau các số trị nguyên tử khối. Ví dụ: H = 1; O = 16; C = 12. => Các giá trị khối lượng trên cho biết sự nặng nhẹ giữa các nguyên tử. Ví dụ: Nguyên tử N nhẹ hơn nguyên tử Si 2 lần ($\frac{14}{28} = \frac{1}{2}$) Khái niệm: Nguyên tử khối là khối lượng nguyên tử tính bằng đơn vị cacbon. - Mỗi nguyên tố có 1 nguyên tử khối riêng biệt. Ví dụ: Biết nguyên tố X có nguyên tử khối là 23 đvC $\rightarrow$ nguyên tố X là Na. Kết luận: Số p và nguyên tử khối là hai đại lượng đặc trưng cho 1 nguyên tố hoá học nhất định.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Câu 1: Nguyên tử của nguyên tố R có khối lượng nặng gấp 14 lần nguyên tử hiđro. Hãy cho biết: nguyên tử R là nguyên tố nào? A. Oxi (O) B. Nitơ (N) C. Cacbon (C) D. Niken (Ni) Câu 2: Nguyên tử của nguyên tố X có khối lượng nặng gấp 2 lần nguyên tử oxi. Hãy cho biết: nguyên tử R là nguyên tố nào? A. Silic (Si) B. Kali (K)	GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP

C. Lưu huỳnh (S) D. Photpho (P) Câu 3: Hãy so sánh xem nguyên tử khối của sắt (Fe) nặng hay nhẹ hơn, bằng bao nhiêu lần so với nguyên tử oxi (O)? A. Nguyên tử sắt nặng hơn nguyên tử oxi B. Nguyên tử sắt nhẹ hơn nguyên tử oxi 3,5 lần. C. Nguyên tử sắt bằng hơn nguyên tử oxi D. Nguyên tử sắt nặng hơn nguyên tử oxi 3,5 lần. Câu 4: Hãy tính xem 1 đvC bằng bao nhiêu gam? A. $1,6605 \cdot 10^{-24}$ (g) B. 1,6605 (g) C. $1,6605 \cdot 10^{-27}$ (g) D. $1,6605 \cdot 10^{-2}$ (g)	
--	--

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lóp:

[illegible]

Nội dung	Ghi chú																						
	Tiết 8 - Bài 6: ĐƠN CHẤT – HỢP CHẤT – PHÂN TỬ																						
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. I. Đơn chất – hợp chất Hoàn thành bảng sau: <table><tr><th rowspan="2">Tên chất</th><th rowspan="2">Thành phần nguyên tố</th><th colspan="2">Phân loại</th></tr><tr><th>1 nguyên tố</th><th>2 nguyên tố trở lên</th></tr><tr><td>Nhôm</td><td>Al</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Nước</td><td>H, O</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Khí oxi</td><td>O</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Axit sunfuric</td><td>H, S, O</td><td></td><td></td></tr></table> - Các chất được tạo từ 1 nguyên tố hóa học gọi là gì? - Các chất được tạo thành từ 2 nguyên tố hóa học trở lên được gọi là gì? - Nghiên cứu sgk hóa 8 trang 22, 23 cho biết cách phân loại đơn chất và hợp chất? - Quan sát các hình 1.10, 1.11 sgk hóa 8 trang 22, 23 nhận xét về đặc điểm cấu tạo của đơn chất? - Quan sát các hình 1.12, 1.13 nhận xét về đặc điểm cấu tạo của hợp chất?	Tên chất	Thành phần nguyên tố	Phân loại		1 nguyên tố	2 nguyên tố trở lên	Nhôm	Al			Nước	H, O			Khí oxi	O			Axit sunfuric	H, S, O			I. Đơn chất – hợp chất Sau khi đọc và trả lời câu hỏi ở phần I xong, các em hãy ghi vào vở nội dung này và ghi nhớ. 1) Định nghĩa - Đơn chất là những chất được tạo nên từ 1 nguyên tố hóa học. Ví dụ: nhôm (Al), natri (Na), kali (K),... - Hợp chất là những chất được tạo nên từ 2 nguyên tố hóa học trở lên. Ví dụ: nước có công thức hóa học là H₂O được tạo bởi 2 nguyên tố hóa học là H, O. 2) Phân loại a) Đơn chất - Đơn chất kim loại: có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt. Ví dụ: đồng (Cu), sắt (Fe), kẽm (Zn),... - Đơn chất phi kim: không có ánh kim, không dẫn điện, không dẫn nhiệt. Ví dụ: lưu huỳnh (S), khí clo (Cl₂), cacbon (C),... b) Hợp chất - Hợp chất vô cơ: natri clorua (Na, Cl), canxi cacbonat (Ca, C, O),... - Hợp chất hữu cơ: khí metan (C, H), đường glucôzơ (C, H, O),... 3) Đặc điểm cấu tạo a) Đơn chất - Trong đơn chất kim loại các nguyên tử sắp xếp khít nhau và theo một trật tự xác định. - Trong đơn chất phi kim các nguyên tử thường liên kết với nhau theo một số nhất định và thường là 2. b) Hợp chất - Trong hợp chất, các nguyên tử liên kết với nhau theo một tỉ lệ và trật tự nhất định.
Tên chất			Thành phần nguyên tố	Phân loại																			
	1 nguyên tố	2 nguyên tố trở lên																					
Nhôm	Al																						
Nước	H, O																						
Khí oxi	O																						
Axit sunfuric	H, S, O																						
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. Trong các chất dưới đây, chất nào là đơn chất, chất nào là hợp chất. Giải thích?	GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP																						

- Khí amoniac tạo nên từ N và H.
- Photpho đỏ tạo nên từ P.
- Axit clohidric tạo nên từ H và Cl
- Canxi cacbonat tạo nên từ Ca, C, O.
- Glucose tạo nên từ C, H, O.
- Kim loại magie tạo nên từ Mg.

Nếu có thắc mắc gì em hãy ghi lại phiếu này

Trường:

Họ và tên học sinh:

Lóp:

[illegible]